

## PHẦN BÀI TẬP

[Http://clubtaichinh.net](http://clubtaichinh.net)

Luôn chia sẻ tài liệu miễn phí và chất lượng

**Bài 1: Ngân hàng thương mại A ngày 30/9/2005 có tài liệu như sau: (Đơn vị tính: tỷ đồng)**

**(Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**

### **1/ Vốn điều lệ và các quỹ:**

- a- Vốn điều lệ trong bảng điều lệ hoạt động: 350; trong đó, vốn đã được cổ đông đóng góp 200.
- b- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 30
- c- Quỹ dự phòng tài chính 30
- d- Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ 20
- e- Lợi nhuận không chia 10

Trong tháng, khi đánh giá lại tài sản theo quy định của luật pháp như sau:

- Giá trị tăng thêm của TSCĐ được định giá lại: 50
- Giá trị tăng thêm của các loại chứng khoán đầu tư được định giá lại theo quy định của pháp luật: 25
- Trái phiếu chuyển đổi và cổ phiếu ưu đãi do NH phát hành có thời hạn còn lại 6 năm:

**15**

- Các công cụ nợ khác có thời hạn còn lại trên 10 năm: **15**

### **2/ Trong kỳ, ngân hàng có những hoạt động như sau:**

1- NHTM A mua lại một số cổ phiếu của doanh nghiệp B (đầu tư gián tiếp) với số tiền là **100** tỷ đồng. Biết rằng giá trị sổ sách của số cổ phiếu của doanh nghiệp B tại thời điểm mua lại là 50 tỷ đồng.

2- NHTM A mua cổ phần của 4 TCTD khác với tổng số tiền là: **40** tỷ đồng.

3- NHTM A góp vốn, liên doanh với 3 DN khác với tổng số tiền là **150** tỷ đồng: DN X= 45 tỷ, DN Y= 50 tỷ, DN Z= 55 tỷ.

### **3/ Tài sản Có rủi ro nội bảng:**

a- Tiền mặt, Vàng: **145**

b- Đầu tư vào tín phiếu NHNN VN: **70**

c- Cho vay DNNN A bằng VNĐ được bảo đảm bằng tín phiếu của chính NH: **40**

d- Các khoản cho vay bằng VNĐ đối với TCTD khác ở trong nước: **400**

e- Các khoản cho vay UBND tỉnh: **300**

f- Cho vay bằng ngoại tệ đối với Chính Phủ VN: **200**

g- Các khoản phải đòi được bảo đảm bằng giấy tờ có giá do TCTD khác thành lập tại VN phát hành: **100**

h- Các khoản phải đòi đối với tổ chức tài chính Nhà nước: **60**

i- Kim loại quý (trừ vàng), đá quý: **150**

j- Các khoản cho vay có bảo đảm bằng Bất động sản của bên vay: 900

k- Tổng số tiền đã cấp vốn điều lệ cho các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập: **300**

m- Các tài sản “Có” khác: **700**

#### **4/ Giá trị tài sản “Có” rủi ro của các cam kết ngoại bảng:**

##### **4.1- Các cam kết bảo lãnh, tài trợ cho khách hàng:**

a- Bảo lãnh cho Công ty B vay vốn theo chỉ định của Chính Phủ: 450

b- Bảo lãnh cho Công ty C dự thầu: 280

c- Phát hành thư tín dụng không thể hủy ngang cho Công ty A để nhập khẩu hàng hoá: 230

d- Bảo lãnh giao hàng cho công ty D: 50

e- Thư tín dụng trả ngay có thể hủy ngang: 50

##### **4.2- Hợp đồng giao dịch lãi suất, hợp đồng giao dịch ngoại tệ:**

a. Hợp đồng hoán đổi lãi suất thời hạn ban đầu 9 tháng với ngân hàng X: 800

b. Hợp đồng hoán đổi lãi suất có thời hạn ban đầu 18 tháng với Cty A: 1.100

c. Hợp đồng hoán đổi ngoại tệ có kỳ hạn ban đầu 9 tháng với công ty Y: 200

d- Hợp đồng hoán đổi ngoại tệ có kỳ hạn ban đầu 18 tháng với công ty Z: 400

e- Hợp đồng hoán đổi ngoại tệ có thời hạn ban đầu 3 năm với Công ty D: 300

Yêu cầu:

- **Tính vốn tự có của NH vào ngày 30/9/05 giả định rằng dự phòng chung được tính vào vốn cấp 2 là 10 tỉ.**
- **Xác định H<sub>3</sub> của NH A cuối ngày 30/9**

#### **Bài 2: NHTM cổ phần C có tình hình như sau: (Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**

- **NH thực hiện một khoản huy động vốn 1.000.000**

- NH phải trả lãi tiền gửi 10.000.
- Chi phí phi lãi khi huy động vốn ước tính 5.000.
- Chi phí vốn chủ sở hữu 1.000.
- Phân bù rủi ro trong cho vay là 500.
- Lợi nhuận dự kiến khi cho vay số tiền đã huy động là 0,2%.

**Yêu cầu:**

Tính tỉ lệ lãi suất cho vay mà ngân hàng phải thực hiện để đảm bảo được kết quả kinh doanh.

**Tài liệu bổ sung:**

- Tỉ lệ dự trữ bắt buộc hiện hành là 6%.
- Theo dự báo của phòng nghiên cứu chính sách của ngân hàng, trong tương lai ngân hàng Trung ương sẽ áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ, tỉ lệ dự trữ bắt buộc có thể tăng thêm 2%.

**Bài 3: Bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng thương mại cổ phần C đầu ngày 1/5 có tình hình sau:**

**Đơn vị tính: triệu đồng**

TÀI SẢN CÓ	SỐ TIỀN	TÀI SẢN NỢ	SỐ TIỀN
1. Tiền mặt	800	1.TG của khách hàng	6.000
2. Tiền gửi NH NNø	3.000	2.Tiết kiệm	14.000
3. TG NHTM khác	300	3.Chứng chỉ tiền gửi	10.500
4. Tín Dụng	25.000	4.Tiền vay	2.000
5. Đầu tư	8.000	5.Vốn tự có	3.500
6. Tài sản cố định	1.000	6.Tài sản nợ khác	2.700
7. Tài sản có khác	600		
<b>Cộng</b>	<b>38.700</b>		<b>38.700</b>

**Yêu cầu:**

1/ Hãy tính các hệ số H1, H3 vào cuối ngày 1/5 và cho nhận xét tình hình đảm bảo yêu cầu vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần C.

2/ Giả sử vào cuối ngày, một khách hàng đến Ngân hàng xin vay số tiền 9.500 bằng tín chấp, Ngân hàng có nên cho vay hay không để đảm bảo hệ số H3  $\geq$  8%. Nếu cho vay thì cho vay bao nhiêu?

**Tài liệu bổ sung:**

1/ Trong đầu tư có 3.000 là dự trữ thứ cấp (trái phiếu chính phủ thời hạn dưới 1 năm), phần còn lại là trái phiếu công ty.

2/ Trong tín dụng có 20% là chiết khấu thương phiếu, 30% là tín dụng có đảm bảo bằng bất động sản và còn lại là tín dụng không đảm bảo.

3/ Trong ngày Ngân hàng thu nợ 300, trong đó tín dụng có đảm bảo bằng bất động sản là 100, tín dụng không đảm bảo là 200.

4/ Tài khoản ngoại bảng:

- Bảo lãnh vay: 2.500.
- Bảo lãnh thanh toán: 3.500.
- Bảo lãnh dự thầu: 4.000.

**Bài 4: Bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng thương mại cổ phần C cuối ngày 15/4 có tình hình sau:  
(Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**

**Đơn vị tính: triệu đồng**

TÀI SẢN	SỐ TIỀN	NGUỒN VỐN	SỐ TIỀN
1. Tiền mặt	810	1.Tg của khách hàng	6.200
2. Tiền gửi NH NN	2.200	2.Tiết kiệm	12.560
3. TG NHTM khác	300	3.Chứng chỉ tiền gửi	11.240
4. Tín dụng	21.840	4. Tiền vay	600
5. Đầu tư	7.240	5. Vốn tự có	2.100
6. Tài sản có khác	660	6. Tài sản nợ khác	350
<b>Cộng</b>	<b>33.050</b>		<b>33.050</b>

Trong ngày 16/4 ngân hàng phát sinh tình huống sau:

1. Nhận tiền gửi tiết kiệm của khách hàng 250.
2. Ngân hàng trả tiền mặt cho khách hàng 2.100. Trong: đó tiền gửi 1.100, tiết kiệm 800, chứng chỉ tiền gửi 200).
3. Giải quyết cho ông X vay 240.
4. Dự trữ vượt mức ước tính cho ngày 17/4 là 800, trong đó tiền mặt 600, tiền gửi NHNN 200.
5. Tiền gửi ngân hàng khác của ngân hàng C chỉ đủ để duy trì tài khoản.

**Yêu cầu:**

- + Tính cung cầu thanh khoản và xử lý theo tình huống trên.

+ Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày 16/4 của NHTM cổ phần C.

**Tài liệu bổ sung:**

1. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc 6%; tỷ lệ dự trữ thứ cấp chiếm 30% của khoản mục đầu tư.
2. Trong ngày ngân hàng có khoản thu nợ vay 250 .
3. Ngày 17/4 có khoản thu nợ 100 và các NHTM khác có đủ số dư cho vay.
4. Theo báo cáo của phòng ngân quỹ ngân hàng chỉ được bán 50% dự trữ thứ cấp.
5. Phần còn lại của khoản mục đầu tư là trái phiếu công ty.
6. Trong tín dụng có 3% là tín dụng chiết khấu.

**Bài 5: Bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng thương mại cổ phần B có tình hình sau:**

**(Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**

**Đơn vị tính: triệu đồng**

TÀI SẢN CÓ	SỐ TIỀN	TÀI SẢN NỢ	SỐ TIỀN
1. Tiền mặt	962	7.TG của khách hàng	5.898
2. Tiền gửi NH NN	2.050	8. Tiết kiệm	12.586
3. TG NHTM khác	20	9. Chứng chỉ tiền gửi	10.655
4. Tín Dụng	21.167	10. Vốn tự có	2.000
5. Đầu tư	6.920	11. Tài sản nợ khác	61
6.Tài sản có khác	81		
<b>Cộng</b>	<b>31.200</b>		<b>31.200</b>

Ông V là khách hàng quen nộp đơn xin vay 290 triệu, cầm cố hàng hóa trị giá 400 triệu.

Yêu cầu: Hãy xử lý tình huống trên (xét cho vay).

Tài liệu bổ sung:

1. Qua điều tra phân tích khách hàng, ngân hàng đánh giá khả năng trả nợ của ông V là 400 triệu.
2. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu ( $H_3$ ) của ngân hàng B trước khi cho vay là 8,2%.
3. Trong hàng hoá cầm cố có 20 triệu hàng hóa ứ đọng, chậm luân chuyển.

**Bài 6: Bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng thương mại cổ phần X cuối ngày 1/5 có tình hình sau:**

**(Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**

**Đơn vị tính: triệu đồng**

TÀI SẢN CÓ	SỐ TIỀN	TÀI SẢN NỢ	SỐ TIỀN
1. Tiền mặt	900	7.TG của khách hàng	6.000
2. Tiền gửi NH NN	2.100	8.Tiết kiệm	12.500
3. TG NHTM khác	400	9.Chứng chỉ tiền gửi	11.500
4. Tín Dụng	21.540	10.Tiền vay	300
5. Đầu tư	9.000	11.Vốn tự có	2.800
6. Tài sản có khác	320	12.Tài sản nợ khác	1.160
<b>Cộng</b>	<b>34.260</b>		<b>34.260</b>

Trong ngày 2/5 ngân hàng phát sinh tình hình sau:

1. Ngân hàng huy động tiền gửi khách hàng 700 triệu đồng (trong đó tiền gửi 500 triệu, tiết kiệm 200 triệu).
2. Ngân hàng trả tiền mặt cho khách hàng 3.400 triệu đồng (trong đó tiền gửi 400 triệu, tiết kiệm 3.000 triệu).
3. Hoạt động thu chi lãi:
  - + Thu lãi cho vay: 150 triệu đồng.
  - + Trả lãi tiền gửi: 100 triệu đồng.
4. Ngân hàng thu nợ vay 300 triệu đồng.
5. Ngân hàng bán cổ phiếu của công ty A trị giá 150 triệu đồng.
6. Ngân hàng mua cổ phiếu của công ty B trị giá 330 triệu đồng.
7. Dự trữ vượt mức ước tính cho ngày 3/5/2000 là 1.900 triệu đồng (tiền mặt 900 triệu, tiền gửi NHNN là 1.000 triệu).
8. Bà C nộp đơn xin vay khoản tiền 400 triệu đồng cầm cố hàng hoá trị giá 600 triệu đồng.

**Yêu cầu:**

- + Xử lý tình huống trên.

+ Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày 2/5 của ngân hàng thương mại cổ phần X.

**Tài liệu bổ sung:**

1. Qua điều tra phân tích khách hàng ngân hàng đánh giá khả năng trả nợ của bà C là 480 triệu đồng.

2. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của ngân hàng thương mại X vào cuối ngày 2/5 là: 8,6% (chưa cho khách hàng C vay).

3. Trong hàng hoá cầm cố có 70 triệu đồng kém phẩm chất.

4. Dư nợ hiện tại của bà C là 140 triệu đồng.

5. Dự trữ bắt buộc 3%; tỷ lệ thanh khoản 8%.

6. Ngày 3/5 ngân hàng có khoản thu nợ 800 triệu đồng và số dư tiền gửi tại NHNN của các ngân hàng khác trong ngày vượt so với nhu cầu là 700 triệu đồng.

7. Tiền gửi ngân hàng khác vượt trội 100 triệu đồng.

8. Theo báo cáo của phòng ngân quỹ ngân hàng chỉ được bán 85% dự trữ thứ cấp.

**Bài 7: Bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng thương mại cổ phần C ngày 1/5 có số liệu sau:**

**(Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**

**Đơn vị tính: triệu đồng**

TÀI SẢN CÓ	SỐ TIỀN	TÀI SẢN NỢ	SỐ TIỀN
1. Tiền mặt	1.000	7. TG của khách hàng	12.000
2. Tiền gửi NH NN	2.300	8. Tiết kiệm	9.000
3. TG NHTM khác	300	9. Chứng chỉ tiền gửi	8.000
4. Tín dụng	22.630	10. Tiền vay	400
5. Đầu tư	7.000	11. Vốn tự có	2.234
6. Tài sản có khác	240	12. Tài sản nợ khác	1.836
<b>Cộng</b>	<b>33.470</b>		<b>33.470</b>

Trong ngày 2/5 ngân hàng phát sinh tình hình sau:

1. Ngân hàng trả tiền mặt cho khách hàng 2.980 triệu đồng (trong đó tiền gửi 2.000 triệu, tiết kiệm 500 triệu, chứng chỉ tiền gửi 480 triệu).

2. Dự trữ vượt mức ước tính cho ngày 3/5/1999 là 1.400 triệu đồng, trong đó tiền mặt là 600, tiền gửi NHNN là 800.

3. Ngân hàng bán cổ phiếu của công ty B trị giá 210 triệu đồng.

4. Ngân hàng thu nợ tín dụng thế chấp BĐS 285 triệu đồng.

5. Hoạt động thu chi lãi: Trả lãi tiền vay: 100 triệu đồng.

6. Ông X nộp đơn xin vay khoản tiền 360 triệu đồng thế chấp nhà trị giá 800 triệu đồng.

***Yêu cầu:***

+ Xử lý tình huống trên.

+ Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày 2/5 của ngân hàng thương mại cổ phần

C.

***Tài liệu bổ sung:***

1. Qua điều tra phân tích khách hàng, ngân hàng đánh giá khả năng trả nợ của ông X là 420 triệu đồng.

2. Ông X thiếu tiền thuế đất 60 triệu.

3. Số dư trên tài khoản tiền gửi ngân hàng khác vượt 100 triệu so với nhu cầu.

4. Dự trữ bắt buộc 6%; tỷ lệ thanh khoản 7%.

5. Ngày 3/5 ngân hàng có khoản thu nợ 451,3 triệu đồng và tài khoản NHTM khác tại NHNN có đủ số dư để cho vay.

6. Theo báo cáo của phòng ngân quỹ ngân hàng được phép bán 100% dự trữ thứ cấp.

7. Trong tín dụng gồm có: Tín dụng cấp cho ngân hàng khác 15%, tín dụng thế chấp bằng BĐS 20%, tín dụng được ngân hàng khác bảo lãnh 10%, còn lại là tín dụng không đảm bảo.

8. Tài sản ngoại bảng: bảo lãnh cho khách hàng vay 100, bảo lãnh thanh toán 800 triệu.

9. Phần còn lại của khoản mục đầu tư là trái phiếu công ty..

**Bài 8: Bảng tổng kết tài sản ngày 31/12/2006 của NHTM cổ phần C:  
(Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**



Đơn vị tính: Triệu đồng

TÀI SẢN CÓ	SỐ TIỀN	TÀI SẢN NỢ	SỐ TIỀN
1- Dự trữ bắt buộc	27.000	6-Tiền gửi giao dịch	100.000
2- Chứng khoán	65.000	7-TG định kỳ biến động	20.000
3- Cho vay biến đổi	20.000	8-Tiền gửi định kỳ khác	150.000
4- Cho vay khác	180.000	9-Vay ngân hàng khác	10.000
5- Tài sản có khác	8.000	10-Vốn tự có	20.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000</b>	<b>Cộng</b>	<b>300.000</b>

Tài liệu bổ sung:

\_ Chỉ số mùa vụ và ước tính số cho vay, tiền gửi hàng quý của NHTM cổ phần C năm 2007:

Đơn vị: Triệu đồng, phần trăm %

Quý	Cho vay biến đổi	Cho vay khác theo chỉ số (%)	Tiền gửi giao dịch theo chỉ số (%)	Tiền gửi định kỳ biến động
1	10.000	110	100	15.000
2	17.000	101	98	18.000
3	15.000	105	101	10.000
4	17.000	115	93	9.000

\_ Tiền gửi định kỳ khác ước tính tăng quý sau so với quý trước 3.000 triệu.

\_ Dự trữ bắt buộc 10%, dự trữ thứ cấp chiếm 23% trong chứng khoán.

\_ Trong cho vay ngân hàng có thực hiện nghiệp vụ chiết khấu.

**Yêu cầu:**

+ Ước lượng thanh khoản hàng quý 2007.

+ Nêu rõ cách đáp ứng thanh khoản quý có nhu cầu thanh khoản cao nhất.

+ Lập bảng tổng kết tài sản quý có nhu cầu thanh khoản cao nhất.

**Bài 9: Bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng thương mại cổ phần C ngày 1/5 có tình hình sau:**

**(Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**

**Đơn vị tính: triệu đồng**

TÀI SẢN CÓ	SỐ TIỀN	TÀI SẢN NỢ	SỐ TIỀN
1. Tiền mặt	962	7.TG của khách hàng	5.898
2. Tiền gửi NH NN	2.050	8. Tiết kiệm	12.586
3. TG NHTM khác	400	9. Chứng chỉ tiền gửi	10.655
4. Tín dụng	21.167	10. Tiền vay	121
5. Đầu tư	6.920	11. Vốn tự có	2.200
6. Tài sản có khác	181	12. Tài sản nợ khác	220
<b>Cộng</b>	<b>31.680</b>		<b>31.680</b>

**Yêu cầu:**

**Phân tích mức độ rủi ro mà ngân hàng sẽ phải chịu khi lãi suất biến động 0,5%.**

Tài liệu bổ sung:

1. Dự trữ thứ cấp chiếm 20% trong đầu tư (các chứng khoán có thời hạn còn lại dưới 3 tháng), tỷ lệ DTBB là 5%.
2. Trong tín dụng có 50% cho vay theo lãi suất biến đổi.
3. Tiền gửi hoạt kỳ chiếm 35% trong tiền gửi.
4. Tiết kiệm không kỳ hạn chiếm 20% trong tiền gửi tiết kiệm.
5. Các chứng chỉ tiền gửi có thời hạn còn lại dưới 3 tháng
6. Toàn bộ tiền vay NH khác có thời hạn còn lại dưới 3 tháng, tiền gửi NH khác là TG không kỳ hạn.

**Bài 10: Bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng thương mại X cuối ngày 22/6 có số liệu sau:**

**(Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**

**Đơn vị tính : Triệu đồng**

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
1- Tiền mặt tại quỹ	5.734	7- Tiền gửi	93.101
2- Tiền gửi NHNN	13.378	8- Tiết kiệm	98.114
3- Tiền gửi NH khác	538	9- Vay NH khác(< 3 tháng)	17.200
4- Tín dụng	180.066	10- Vốn tự có	66.200
5- Đầu tư	82.187	11- Nguồn vốn khác	30.910
6- Tài sản khác	23.622		
<b>Cộng:</b>	<b>305.525</b>	<b>Cộng :</b>	<b>305.525</b>

Trong ngày 23/6 có phát sinh các tình huống sau:

1) Trả tiền mặt cho khách hàng: Tiền gửi không kỳ hạn 1.456 tr, tiền gửi có kỳ hạn 678 tr; tiết kiệm không kỳ hạn 1.045 tr, tiết kiệm có kỳ hạn 974 tr, lãi đến hạn 112 tr.

2) NH thu nợ gốc các khoản cho vay không đảm bảo bằng tài sản đến hạn: 6.500 tr (loại cho vay theo lãi suất cố định), thu lãi cho vay 620 tr bằng tiền mặt.

3) Bán ra một số chứng chỉ tiền gửi (CDs) có thời hạn dưới 3 tháng với tổng mệnh giá 500 tr đưa vào tài khoản tiền gửi tại NHNN.

4) Ông X đến xin vay 1.400 tr thế chấp bất động sản trị giá 2.500 tr (theo lãi suất biến đổi).

#### **Yêu cầu:**

\_ Xử lý các tình huống trên.

\_ Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày 23/6.

\_ Phân tích rủi ro mà ngân hàng sẽ phải chịu khi lãi suất biến động 0,25%.

#### **Tài liệu bổ sung:**

1. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc 6%. Dự trữ vượt mức cho ngày 24/6 là 600 tr, trong đó tiền gửi NHNN là 400tr, tiền mặt là 200tr.

2. Dự trữ thứ cấp chiếm 10% trong đầu tư (Trái phiếu chính phủ có thời hạn dưới 3 tháng), phòng ngân quỹ cho biết có thể bán 90% dự trữ thứ cấp. Phần còn lại của khoản mục đầu tư là trái phiếu công ty (Dài hạn).

3. Qua điều tra phân tích khách hàng, ngân hàng đánh giá khả năng trả nợ của ông X là đầy đủ.

4. Bất động sản dùng thế chấp của ông X còn nợ tiền thuế đất 100 tr.

5. Ngày 24/6 có khoản thu nợ 2.000 tr.

6. Trong tín dụng gồm có: chiết khấu thương phiếu 10%, tín dụng cấp cho ngân hàng khác 10%, tín dụng thế chấp bất động sản 10%, còn lại là tín dụng không đảm bảo.

8. Ngân hàng có bảo lãnh cho doanh nghiệp vay 25.340 tr, bảo lãnh dự thầu 80.580 tr (không có đảm bảo).

9. Trong tiền gửi hoạt kỳ chiếm 60% tiền gửi, tiết kiệm không kỳ hạn chiếm 45% tiết kiệm. Trong khoản mục tín dụng có 30% cho vay theo lãi suất biến đổi .

*(Sử dụng TM, thu nợ gốc, thu lãi vay)*

**Bài 11: Bảng tổng kết tài sản NHTM cổ phần C ngày 15/4 có tình hình sau:  
(Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**

Đơn vị tính : Triệu đồng

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
1- Tiền mặt tại quỹ	900	7- Tiền gửi	6.000
2- Tiền gửi NHNN	2.100	8- Tiết kiệm	12.500
3- Tiền gửi NH khác	250	9-CDs	10.850
4- Tín dụng	20.540	10- Vay NH khác(< 3 tháng)	200
5- Đầu tư	8.560	11- Vốn tự có	2.700
6- Tài sản khác	300	12- Nguồn vốn khác	400
Cộng:	32.650	Cộng :	32.650

Trong ngày 16/4 ngân hàng phát sinh tình huống sau:

1) Ngân hàng trả tiền mặt cho khách hàng 2.225 tr trong đó: TG không kỳ hạn 800 tr, TG có kỳ hạn 300 tr; tiết kiệm không kỳ hạn 300 tr, tiết kiệm có kỳ hạn 500 tr, CDs (chứng chỉ tiền gửi) 200 tr, trả lãi tiền gửi 125 tr.

2) Ông X đến xin vay 220 tr cầm cố hàng hoá trị giá 500 tr (theo lãi suất biến đổi).

#### **Yêu cầu:**

- \_ Xử lý các tình huống trên.
- \_ Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày 16/4
- \_ Phân tích rủi ro mà ngân hàng sẽ phải chịu khi lãi suất biến động 0,45%

#### **Tài liệu bổ sung:**

1. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc 6%. Dự trữ vượt mức cho ngày 17/4 là 1200 tr, trong đó tiền gửi NHNN là 800tr, tiền mặt là 400tr.

2. Dự trữ thứ cấp chiếm 17% trong đầu tư, NH được phép bán hết dự trữ thứ cấp (bao gồm trái phiếu chính phủ có thời hạn dưới 3 tháng). Khoản đầu tư còn lại của ngân hàng là phiếu công ty (Dài hạn).

3. Đánh giá khả năng trả nợ của ông X là 230 triệu.

4. Trong hàng hoá cầm cố có 100 triệu hàng hoá chậm luân chuyển.

5. Trong ngày ngân hàng có khoản thu nợ cho vay với lãi suất biến đổi là 300 tr (trong đó có 200 tr tín dụng chiết khấu thương phiếu, 100 tr tín dụng cấp cho ngân hàng khác). Ngày 17/4 NH dự kiến có khoản thu nợ 200 tr.

6. Các khoản vay NH khác có thời hạn còn lại dưới 3 tháng.

7. Trong tín dụng gồm có: chiết khấu thương phiếu 2%, tín dụng cấp cho ngân hàng khác 25%, tín dụng thế chấp bất động sản 8%, còn lại là tín dụng không đảm bảo.

8. Trong tài khoản ngoại bảng có:

\_ Bảo lãnh cho khách hàng là doanh nghiệp vay 6.200 tr.

\_ Bảo lãnh thanh toán cho công ty nhập khẩu 11.500 tr.

9. Tiền gửi hoạt kỳ chiếm 30% tiền gửi, tiết kiệm không kỳ hạn chiếm 50% tiết kiệm. Trong tín dụng có 50% cho vay theo lãi suất biến đổi. Chứng chỉ tiền gửi có thời hạn > 1 năm.

### **Bài 12: Bảng tổng kết tài sản của NHTM B ngày 3/4 có số liệu sau (Có bài giải tại file (clubtaichinh.net) Giai QTNH)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tích Sản	Số tiền	Tiêu Sản	Số tiền
1. Tiền mặt tại quỹ	962	1. Tiền gửi	5.898
2. Tiền gửi tại NHNN	2.050	2. Tiết kiệm	12.586
3. Tiền gửi tại NH khác	20	3. Chứng chỉ tiền gửi	10.655
4. Tín dụng	21.167	4. Vốn tự có	2.000
5. Đầu tư	6.920	5. Tiêu sản khác	61
6. Tích sản khác	81		

Tổng cộng	31.200	Tổng cộng	31.200
-----------	--------	-----------	--------

Trong ngày có phát sinh các tình huống sau:

- 1/ NH phải chi trả khoản vốn huy động đến hạn là 1.243 triệu, trong đó:
  - Tiết kiệm có kỳ hạn : 754 triệu
  - Chứng chỉ tiền gửi : 489 triệu
- 2/ Một số khách hàng nộp séc tiền mặt yêu cầu rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi hoạt kỳ số tiền là 257 triệu.
- 3/ Khách hàng Z là khách hàng mới đến vay lần đầu tiên xin vay khoản tiền 200 triệu, thế chấp hàng hóa trị giá 400 triệu (lãi suất cố định).

**YÊU CẦU:**

- Hãy xử lý các tình huống trên.
- Phân tích rủi ro mà NH phải chịu khi lãi suất biến động 0,5%.
- Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày.

**Tài liệu bổ sung:**

- 1/ Tỷ lệ dự trữ bắt buộc 5%, dự trữ vượt trội cho ngày hôm sau là 750 triệu (tiền mặt 50 triệu, tiền gửi NHNN là 700 triệu).
- 2/ Dự trữ thứ cấp chiếm 20% đầu tư.
- 3/ Qua điều tra phân tích khách hàng, NH đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng Z là 100 triệu.
- 4/ Trong khoản tín dụng có:
  - + 15% là nghiệp vụ chiết khấu
  - + 35% là tín dụng có đảm bảo bằng bất động sản.
  - + 50% là tín dụng không có đảm bảo.
- 5/ Cho vay theo lãi suất biến đổi chiếm 40% tín dụng.
- 6/ Tiền gửi hoạt kỳ chiếm 35% tiền gửi.
- 7/ Tiết kiệm không kỳ hạn chiếm 20% tiền gửi tiết kiệm.
- 8/ Phần còn lại của khoản mục đầu tư là trái phiếu công ty.

**Bài 13: Bảng tổng kết tài sản cuối ngày 20/12 của NHTM X có số liệu sau:  
(Có bài giải tại file (clubtaichinh.net)Giai QTNH)**

(Đơn vị:triệu đồng)

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
1.Tiền mặt tại quỹ	5.190	1.Tiền gửi	57.397
2.Tiền gửi tại NHNN	10.478	2.Tiết kiệm	112.284
3.Tiền gửi tại NH khác	1.449	3.Vay ngân hàng khác	358
4.Tín dụng	132.789	4.Vốn tự có	70.354
5.Đầu tư	91.000	5.Tài sản nợ khác	607
6.Tài sản cố định	94		

<b>Tổng cộng</b>	<b>241.000</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>241.000</b>

Trong ngày 21/12 phát sinh các tình huống sau:

- 1/ Các khách hàng đến yêu cầu NH rút số tiền mặt là 1.150 triệu, trong đó: Tiền gửi của các tổ chức là 879,5 triệu, tiền gửi tiết kiệm là 270,5 triệu.
- 2/ Bà Lan là khách hàng có quan hệ thường xuyên đến xin vay 1.800 triệu thế chấp bất động sản trị giá 2.000 triệu. Cùng ngày bà Nhật Minh đến xin vay lần đầu số tiền 1.200 triệu, tài sản thế chấp trị giá 2.500 triệu.
- 3/ Cuối ngày có 3 khách hàng đến gửi tiền gồm 2 khách hàng công ty số tiền 230 triệu và 1 khách hàng tư nhân xin gửi tiết kiệm số tiền 20 triệu.

#### YÊU CẦU:

- Xử lý các tình huống trên.
- Lập bảng TKTS cuối ngày 21/12
- Phân tích tình hình quản lý vốn của NHTM X.

#### Tài liệu bổ sung:

- 1/ Tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 5%, dự trữ vượt mức cho ngày hôm sau là 8.000 triệu (tiền mặt 1.000 triệu, tiền gửi NHNN là 7.000 triệu).
- 2/ Phòng ngân quỹ cho biết NH chỉ có thể bán được 50% số trái phiếu kho bạc có thời hạn 6 tháng.
- 3/ Phòng đầu tư cho biết giá của các chứng khoán đầu tư giảm thấp nhiều so với giá mua.
- 4/ Trong khoản tín dụng có 60% là khoản cho vay có đảm bảo bằng bất động sản (còn lại là cho vay kg đảm bảo). Trong khoản đầu tư có trái phiếu kho bạc có thời hạn 6 tháng là 524 triệu (DTTC), góp vốn liên doanh có 68.465 triệu và đầu tư chứng khoán công ty là 22.011 triệu. Khoản liên doanh có mức độ rủi ro tương đương với khoản đầu tư chứng khoán công ty.
- 5/ Qua liên hệ với các Ngân hàng khác, được biết số dư tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước của NHTM A, B, C ngày 21/12 vượt so với qui định là 760 triệu và ngày hôm sau ngân hàng có khoản thu nợ 800 tr.
- 6/ Tài khoản ngoại bảng của Ngân hàng thương mại X như sau:
  - + Bảo lãnh vay 520.240 triệu.
  - + Bảo lãnh thanh toán cho khách hàng 248.215 triệu.
- 7/ Khả năng trả nợ của các khách hàng là đầy đủ.

-----  
[Http://clubtaichinh.net](http://clubtaichinh.net)

Luôn chia sẻ tài liệu miễn phí và chất lượng  
 -----

**Bài 14: Bảng tổng kết tài sản cuối ngày 1/4 của NHTM X có số liệu sau:  
 (giải tương tự như bài trên)**

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
1. Tiền mặt tại quỹ	230	1. Tiền gửi	2.350
2. TG tại NHTW	660	2. Tiết kiệm	7.460
3. TG tại NH khác	40	3. Vay NH khác	100
4. Tín dụng	7.390	4. Vốn tự có	495
5. Đầu tư	2.000	5. Nguồn vốn khác	95
6. Tài sản Có khác	180		
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.500</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.500</b>

Trong ngày 2/4 phát sinh tình huống sau:

1/ NH chịu một dòng tiền rút ra là 400 triệu, trong đó:

- Tiền gửi hoạt kỳ : 200 triệu
- Tiền tiết kiệm có kỳ hạn: 200 triệu

2/ Bà Lan xin vay 50 triệu thế chấp bất động sản trị giá 120 triệu

**YÊU CẦU:**

- Xử lý tình huống trên
- Lập bảng TKTS cuối ngày 2/4
- Xem xét mức độ rủi ro mà ngân hàng phải gánh chịu khi lãi suất biến động 0,5%

Tài liệu bổ sung:

1/ Dự trữ bắt buộc 5%, dự trữ vượt mức cho ngày hôm sau là 450 tr (tiền mặt 20, tiền gửi NHNN 430 tr).

2/ Chứng khoán có thể chuyển nhanh sang tiền mặt chiếm 15% đầu tư.

3/ Số dư tiền gửi tại ngân hàng khác của NHTM Y vượt so với nhu cầu là 200 triệu.

4/ Trong khoản tín dụng có: Chiết khấu trái phiếu đô thị 15%, tín dụng có tài sản thế chấp 40%, còn lại là tín chấp.

5/ NH nhận bảo lãnh cho khách hàng vay ngân hàng khác là 275 triệu

6/ Tiền gửi hoạt kỳ chiếm 70% tiền gửi

7/ Tiết kiệm không kỳ hạn 30%

8/ NH không cho vay theo lãi suất biến đổi

9/ Phần còn lại của khoản mục đầu tư là trái phiếu công ty.

**Bài 15:**

**Theo số liệu bài tập 10, có sửa đổi một nội dung**

**(giải tương tự như bài trên)**

1/ Trong tín dụng có:

- Chiết khấu trái phiếu 15%
- Tín dụng được ngân hàng khác bảo lãnh 40%

2/ Ngân hàng bảo lãnh cho thanh toán cho ngân hàng khác 275 triệu

3/ Chứng khoán có thể chuyển nhanh sang tiền mặt chiếm 20% đầu tư (có thời hạn còn lại dưới 3 tháng).

**Bài 16: Bảng TKTS đầu ngày 2/4 của NHTMCP B có tài liệu sau (giải tương tự như bài trên)**

Đơn vị: triệu đồng

Tích sản	Số tiền	Tiêu sản	Số tiền
1.Tiền mặt tại quỹ	150	1.Tiền gửi	1.500
2.TG tại NHNN	420	2.Tiết kiệm	2.100
3.TG tại NH khác	28	3.CD	1.400
4.Tín dụng	3.810	4.Vay NH khác	150
5.Đầu tư	942	5.Vốn tự có	350
6.Tích sản khác	200	6.Tiêu sản khác	50
<b>Cộng</b>	<b>5.550</b>	<b>Cộng</b>	<b>5.550</b>

Trong ngày có tình hình sau:

1/ NH phải chi trả tiền mặt cho khách hàng 500 triệu. Trong đó tiền gửi hoạt kì là 200 triệu, tiết kiệm không kì hạn là 50 tr và tiết kiệm có kì hạn là 250tr.

2/ Ông Xuân là khách hàng xuyên của ngân hàng xin vay 30 tr thế chấp hàng hóa trị giá 40 tr, khả năng trả nợ nay đủ.

Yêu cầu:

1/ Xử lý tình huống trên

2/ Phân tích tình hình sử dụng vốn tự có của ngân hàng (không làm)

3/ Lập bảng TKTS cuối ngày

Tài liệu bổ sung

1/ Dự trữ pháp định 5%, dự trữ vượt mức 450 tr (tiền mặt 120, tiền gửi NHNN 330 tr).

2/ Tỷ lệ thanh khoản là 6%

3/ Theo báo cáo của phòng ngân quỹ thì ngân hàng có thể bán hết chứng khoán ngắn hạn dùng để dự trữ thứ cấp tại thị trường tiền tệ và có thể vay cầm cố các thương phiếu có mệnh giá 1tr với NHTMCP X với điều kiện phải trả lãi trước là 2,3%.

4/ Trong tín dụng gồm có: Chiết khấu thương phiếu: 20%, cho vay thế chấp bất động sản: 25%, 30% cho vay được ngân hàng khác bảo lãnh và còn lại là cho vay tín chấp.

5/ Tài khoản ngoại bảng gồm có:

Bảo lãnh cho khách hàng vay 370 tr

Bảo lãnh thanh toán cho NH khác 400tr

6/ Phần còn lại của khoản mục đầu tư là trái phiếu công ty.

**Bài 17: Bảng tổng kết tài sản của NHTMCP C ngày 15/04 có tình hình sau:**

**(giải tương tự như bài trên)**

Đơn vị :triệu đồng

Tích sản	Số tiền	Tiêu sản	Số tiền
----------	---------	----------	---------



1.Tiền mặt tại quỹ	700	1.Tiền gửi	5.670
2.TG tại NHNN	2.100	2.Tiết kiệm	13.580
3.TG tại NH khác	280	3.CDs	10.750
4.Tín dụng	20.540	4.Vay NHNN	-----
5.Đầu tư	7.270	5.Vốn tự có	1700
6. Tích sản khác	860	6.Tiêu sản khác	50
<b>Cộng</b>	<b>31.750</b>	<b>Cộng</b>	<b>31.750</b>

Ngày 16/4 NH phát sinh các tình huống sau:

- 1/ NH phải trả tiền mặt cho khách hàng là 1500 tr, trong đó tiền gửi hoạt kì 450 tr, tiền gửi định kì 200tr, tiết kiệm không kì hạn 50 tr, tiết kiệm có kì hạn 400 tr và CD<sub>s</sub> là 400 tr.
- 2/ Ông Hùng đến ngân hàng xin vay 200 tr cầm cố hàng hóa trị giá 250 tr.

### YÊU CẦU

- Xử lý tình huống trên
- Lập bảng TKTS cuối ngày

Tài liệu bổ sung:

- 1/ Dự trữ pháp định 8%, dự trữ vượt mức là 1.800 tr (tiền mặt 300 tr, tiền gửi NHNN 1.500 tr).
- 2/ Tỷ lệ thanh khoản 10%, theo báo cáo của phòng ngân quỹ thì ngân hàng chỉ có thể bán 40% dự trữ thứ cấp.
- 3/ Trong ngày còn thu được khoản nợ 200 tr (tín dụng có đảm bảo, theo lãi suất cố định) và ngày 17/4 có khoản thu nợ cho vay đến hạn là 300 tr.
- 4/ Khoản tín dụng có đảm bảo chiếm 40% trong khoản tín dụng.
- 5/ Tài khoản ngoại bảng: Bảo lãnh cho khách hàng vay 1.180tr, bảo lãnh thanh toán cho ngân hàng khác 6.240 tr.
- 6/ Trong quá trình phân tích tín dụng, ngân hàng phát hiện có 50 tr hàng hóa ứ đọng trong số 250 tr hàng hóa cầm cố, khả năng trả nợ của ông Hùng là 150 tr.
- 7/ Phần còn lại của khoản mục đầu tư là trái phiếu công ty.

**Bài tập 1:** Bảng tổng kết tài sản ngày 31/12/1996 của NHTM cổ phần C:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TÀI SẢN CÓ	SỐ TIỀN	TÀI SẢN NỢ	SỐ TIỀN
1- Tiền mặt	15.000	6- Tiền gửi giao dịch	150.000
2- Tiền gửi NHNN	35.000	7-Tiết kiệm không KH	40.000
3- Cho vay biến đổi	150.000	8- Tiền gửi định kỳ khác	230.000
4- Cho vay khác	250.000	9- Chứng chỉ tiền gửi	80.000
5- Đầu tư	90.000	9- Vay ngân hàng khác	20.000
6- Tài sản có khác	10.000	10- Vốn tự có	30.000
<b>Cộng</b>	<b>550.000</b>	<b>Cộng</b>	<b>550.000</b>

Tài liệu bổ sung:

1. Chỉ số mùa vụ và ước tính số cho vay, tiền gửi hàng tháng của NHTM cổ phần C 6 tháng đầu năm 1997:

Đơn vị: Triệu đồng, %

Tháng	Cho vay biến đổi (trđ)	Cho vay khác (%)	Tiền gửi giao dịch (%)	Tiết kiệm không KH (trđ)	Chứng chỉ tiền gửi (%)
1	155.000	98	105	40.000	100
2	160.000	108	102	45.000	95
3	160.000	105	95	38.000	102
4	158.000	106	100	40.000	98
5	155.000	102	105	35.000	100
6	152.000	100	101	42.000	102

2. Tiền gửi định kỳ khác ước tính tháng sau tăng so với tháng trước 5.000 trđ

3. Tiền vay NH khác tháng này tăng so với tháng trước là 1.000 tr đ

4. Dự trữ bắt buộc 10%, tỷ lệ thanh khoản 6%

5. Phòng ngân quỹ cho biết NH có thể bán 50% dự trữ thứ cấp và có thể xin chiết khấu trái phiếu kho bạc 1 năm có mệnh giá 1 trđ, lãi suất 12%/năm. Số trái phiếu NH dự trữ là 500 trái phiếu, thời hạn còn lại là 6 tháng.

**Yêu cầu:**

+ Ước lượng thanh khoản hàng tháng của 6 tháng đầu năm 1997.

+ Nêu rõ cách xử lý thanh khoản của tháng có nhu cầu thanh khoản cao nhất.

+ Lập bảng tổng kết tài sản của tháng có nhu cầu thanh khoản cao nhất.

**Bài tập 18: Bảng tổng kết tài sản của NHTM B ngày 3/4 có số liệu sau (giải tương tự như bài trên)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tích Sản	Số tiền	Tiêu Sản	Số tiền
1. Tiền mặt tại quỹ	1.500	1. Tiền gửi	15.000
2. Tiền gửi tại NHNN	4.200	2. Tiết kiệm	21.000
3. Tiền gửi tại NH khác	280	3. Chứng chỉ tiền gửi	14.000
4. Tín dụng	38.100	4. Vay NH khác	1.500
5. Đầu tư	9.420	5. Vốn tự có	3.500
6. Tích sản khác	2.000	6. Tiêu sản khác	500
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.500</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>55.500</b>

Trong ngày có phát sinh các tình huống sau:

- 1/ NH nhận được các chứng từ thanh toán, trong đó ghi nợ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn 2.530 trđ, ghi có tài khoản tiền gửi không kỳ hạn 780 trđ.
- 2/ NH chi trả tiền mặt cho khách hàng: Tiết kiệm không kỳ hạn 1.200 trđ, tiền gửi định kỳ 350 trđ, tiết kiệm có kỳ hạn 1.400 trđ, lãi tiền gửi 216 tr.
- 3/ Khách hàng Z là khách hàng mới đến vay lần đầu tiên xin vay khoản tiền 300 triệu, thế chấp hàng hóa trị giá 450 triệu (lãi suất cố định).
- 4/ NH nhận được khoản tiền mặt góp vốn của các cổ đông khi họ mua cổ phiếu số tiền 3.500 trđ.

**YÊU CẦU:**

- (1) Hãy xử lý các tình huống trên.
- (2) Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày.
- (3) Phân tích rủi ro mà NH phải chịu khi lãi suất biến động 0,5%.

**Tài liệu bổ sung:**

- 1/ Tỷ lệ dự trữ bắt buộc 5%, dự trữ vượt trội cho ngày hôm sau là 800 triệu (tiền mặt 500 triệu, tiền gửi NHNN là 300 triệu).
- 2/ Tỷ lệ thanh khoản 6%.
- 3/ Qua điều tra phân tích khách hàng, NH đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng Z là đầy đủ, các điều kiện khác đều hợp pháp.
- 4/ Trong khoản tín dụng có:
  - + 20% được ngân hàng thương mại khác bảo lãnh.
  - + 25% là tín dụng có đảm bảo bằng bất động sản.
  - + 55% là tín dụng không có đảm bảo.
- 5/ Cho vay theo lãi suất biến đổi chiếm 40% tín dụng.
- 6/ Tiền gửi hoạt kỳ chiếm 35% tiền gửi.
- 7/ Tiết kiệm không kỳ hạn chiếm 20% tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.
- 8/ Ngoài dự trữ thứ cấp, phần còn lại của đầu tư là chứng khoán công ty.
- 9/ Các cam kết ngoại bảng: Bảo lãnh vay cho khách hàng doanh nghiệp 3.700 trđ, bảo lãnh thanh toán cho ngân hàng khác 4.000 trđ.
- 10/ Theo báo cáo của phòng ngân quỹ, NH chỉ được bán 10% dự trữ thứ cấp và có thể vay cầm cố trái phiếu công ty có mệnh giá 1 trđ tại NHTM khác với điều kiện trả lãi trước, lãi suất 0,5%/tuần, thời hạn vay là 1 tuần, thu bằng tiền mặt.
- 11/ Ngày hôm sau NH có khoản thu nợ 800 trđ và các NHTM khác có số dư tiền gửi tại NHNN đủ để cho vay.

## Bài 1

1) Tính vốn tự có của NH vào ngày 30/09/05 (Đơn vị tính : Tỷ đồng)

$$\text{Vốn cấp 1} = 200 + 30 + 30 + 20 + 10 - 50 \text{ (lợi thế thương mại)} = 240$$

Vốn cấp 2 = (50 x 50%) + (25 x 40%) + 15 + 15 + 10 (giả định phần dự phòng chung được tính vào VTC BS là 10) = 75

$$\begin{aligned}\text{Vốn tự có} &= \text{Vốn cấp 1} + \text{Vốn cấp 2} \\ &= 240 + 75 = 315\end{aligned}$$

2) Xác định H<sub>3</sub> của Ngân hàng A cuối ngày 30/09 (Đơn vị tính: tỷ đồng)

$$H_3 = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tổng tài sản có rủi ro qui đổi}} \times 100\%$$

- Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có

NHTM mua cổ phần của 4 TCTD khác : 40

NHTM góp vốn liên doanh với ngân hàng khác  $\leq 15\%$  vốn tự có.

$$60 - (315 \times 15\%) = 12,75$$

Vốn tự có để tính hệ số H<sub>3</sub> là:

$$315 - (40 + 12,75 - (\text{phần vượt quá } 15\% \text{ VTC đ/v từng NH})) = 262,25$$

- Tổng tài sản có rủi ro qui đổi :

+ Nội bảng:

$$(400 + 300 + 200 + 100 + 60 + 150) \times 20\% = 242$$

$$900 \times 50\% = 450$$

$$(300 + 700) \times 100\% = 1.000$$

$$100 \times 150\% = \underline{150}$$

$$\text{Cộng: } \quad \quad \quad \mathbf{1.842}$$

$$+ \text{Bảo lãnh: } 450 \times 100\% \times 0\% = 0$$

$$280 \times 50\% \times 100\% = 140$$

$$230 \times 20\% \times 100\% = 46$$

$$50 \times 20\% \times 100\% = 10$$

$$50 \times 0\% \times 100\% = \underline{0}$$

$$\text{Cộng: } \quad \quad \quad \mathbf{196}$$

+ Giao dịch lãi suất, ngoại tệ:

$$800 \times 0.5\% \times 100\% = 4$$

$$1.100 \times 1\% \times 100\% = 11$$

$$200 \times 2\% \times 100\% = 4$$

$$400 \times 5\% \times 100\% = 20$$

$$300 \times 8\% \times 100\% = \underline{24}$$

$$\text{Cộng: } \quad \quad \quad \mathbf{63}$$

Tổng tài sản có rủi ro qui đổi là:

$$1.842 + 196 + 63 = 2.101$$

$$262,25$$

$$H_3 = \frac{262,25}{2.101} \times 100\% = 12,48\%$$

## Bài 2

(1) Tỷ suất lãi hòa vốn:  $(10.000+5.000+1.000+500) \times 100 / 920.000 = 1,79\%$

Lãi tính trên số tiền cho vay (920.000) =  $0,2\% \times 1.000.000 = 2.000$ ,  
 $2.000 \times 100 / 920.000 = 0,22\% \Rightarrow$  lãi suất cho vay =  $2,01\%$

(2) Tỷ lệ chi phí lãi =  $10.000 / 920.000 = 1,087\%$

Tỷ lệ chi phí phi lãi =  $0,5\%$

Lãi dự kiến =  $0,2\%$

Phần bù rủi ro =  $(500 / 920.000) = 0,054\%$

Chi phí vốn CSH =  $(1.000 / 920.000) \times 100 = 0,11\%$

→ Lãi suất cho vay =  $1,951\%$

## Bài 3 : (ĐVT: Triệu đồng)

### 1> Tính H<sub>1</sub>

+ VTC = 3.500

+ Tổng NVHĐ = 6.000 + 14.000 + 10.500 = 30.500

3.500

$$\Rightarrow H_1 = \frac{3.500}{30.500} \times 100\% = 11,475\% > 5\% \text{ (Vốn HĐ của NH)}$$

### 2> Tính H<sub>3</sub>

+ VTC = 3.500

+ Tổng TS có quy đổi :

Kh khoản mục	Giá trị	Hệ số RR	Giá trị TSC rủi ro
1. Tiền mặt	800	0%	0
2. Tiền gửi NHNN	3.000	0%	0
3. Tiền gửi NHTM khác	300	20%	60
4. Tín dụng			
+ Chiết khấu thương phiếu	5.000	100%	5.000
+ TD đảm bảo bằng BĐS	7.400	50%	3.700
+ TD đảm bảo tín chấp	12.300	100%	12.300
5. Đầu tư			
+ Chứng khoán CP	3.000	0%	0
+ Trái phiếu công ty	5.000	100%	5.000
6. Tài sản cố định	1.000	100%	1.000
7. Tài sản cố khác	600	100%	600
<b>Σ tài sản có RR quy đổi nội bảng</b>			<b>27.660</b>

Kh khoản mục	Giá trị	Hệ số chuyển đổi	Hệ số RR	Giá trị TSC RR nội bảng t. ứng
1. Bảo lãnh vay	2.500	100%	100%	2.500
2. Bảo lãnh thanh toán	3.500	100%	100%	3.500
3. Bảo lãnh dự thầu	4.000	50%	100%	2.000
<b>Σ TS có RR của c.kết ngoại bảng</b>				<b>8.000</b>

$$H_3 = \frac{\text{VTC}}{\Sigma \text{ TS có RR quy đổi}}$$

$$= \frac{3.500}{27.660 + 8.000} = 9,81\%$$

=> Sử dụng vốn an toàn, phù hợp vốn tự có

+ Khách hàng đến NH vay 9.500 bằng tín chấp khi đó  $\Sigma$  TS có RR quy đổi là:

$$35.660 + 100\% \times 9.500 = 45.160$$

$$\text{Vậy } H_3 = \frac{3.500}{45.160} \times 100\% = 7,75\% < 8\%$$

=> NH đang sử dụng vốn không an toàn => NH không cho khách hàng vay 9.500  
Gọi X là số tiền NH có thể cho khách hàng vay bằng tín chấp

$$H_3 = \frac{3.500}{35.660 + 100\% \times X} \geq 8\%$$

$$\Rightarrow X \leq 8.090$$

Nếu xét về giới hạn cho vay thì ngân hàng cho vay:

$$15\% \times \text{VTC}(3500) = 525$$

#### **Bài 4: (ĐVT: Triệu đồng)**

\* Xử lý tình huống

Số sánh cung cầu thanh khoản

- Cung thanh khoản

+ Nhận TG trong ngày : 250

+ Thu nợ: 250

+ Dự trữ sơ cấp:  $810 + 2.200 = 3.010$

+ Bán dự trữ thứ cấp

- Dự trữ thứ cấp :  $30\% \times 7.240 = 2.172$

- Bán dự trữ thứ cấp:  $50\% \times 2.172 = 1.086$

=>  $\Sigma$  cung TK : 4.596

- Cầu thanh khoản:

+ Cho vay 240

+ Khách hàng rút tiền trong ngày: 2.100

+ Duy trì dự trữ bắt buộc cho ngày hôm sau:

Số tiền DTBB =  $\Sigma$  nguồn vốn huy động x Tỷ lệ DTBB

$$= (6.200 + 12.560 + 11.240 - 2.100 + 250) \times 6\% = 1.689$$

+ Dự trữ vượt mức tính cho ngày hôm sau: 800

=>  $\Sigma$  cầu TK: 4.829

Vì  $\Sigma$  cung TK <  $\Sigma$  cầu TK, thiếu 233

Để đáp ứng nhu cầu TK, ngân hàng có thể vay qua đêm 100 ( vì ngày hôm sau ngân hàng có khoản thu nợ 100) còn lại 133 NH có thể vay tái chiết khấu ở NHNN ( vì trong TD có 3% là TDCK).

**Bảng TKTS cuối ngày 16/4**

TS có	Số tiền	TS nợ	Số tiền
1. Tiền mặt	600	1. Tiền gửi của KH	5.100
2. Tiền gửi NHNN	1.889	2. Tiết kiệm	12.010
3. Tiền gửi NHTM khác	300	3. Chứng chỉ tiền gửi	11.040
4. Tín dụng	21.830	4. Tiền vay	833
5. Đầu tư	6.154	5. Vốn tự có	2.100
6. Tài sản có khác	660	6. Tài sản nợ khác	350
<b>Σ tài sản có</b>	<b>31.433</b>	<b>Σ tài sản nợ</b>	<b>31.433</b>

***Bài 5: (ĐVT: Triệu đồng)***

- Xét cho ông V vay: 290tr

+ Khả năng trả nợ của ông V là: 400tr

+ Hàng hóa cầm cố: 70% (400-20) = 266tr

+ Tổng dư nợ cho vay một khách hàng

$$15\% \times 2.000 = 300\text{tr}$$

+ Khả năng còn có thể cho vay thêm của ngân hàng

VTC

$$H_3 = \frac{\text{VTC}}{\Sigma \text{TS có rủi ro quy đổi}}$$

Trước khi cho vay

$$H_3 = 8,2\% \rightarrow \Sigma \text{TSC rủi ro quy đổi} = \frac{\text{VTC}}{8,2\%} = \frac{2.000}{8,2\%} = 24.390$$

Gọi X là số tiền cho ông V vay, vì cầm cố hàng hóa hệ số RR: 100%

$$H_3 = \frac{2.000}{24.390 + X \times 100\%} \geq 8\%$$

$$\Rightarrow X \leq 609\text{tr}$$

Xét 4 điều kiện trên -> NH quyết định cho ông V vay 266

***Bài 6: (ĐVT: Triệu đồng)***

- Xét cho bà C vay: 400tr

+ Khả năng trả nợ của bà C: 480

+ Tài sản đảm bảo: 70% x(600-70) = 371

+ Tổng dư nợ cho vay một khách hàng

$$15\% \times 2.800 - 140 = 280$$

+ Khả năng còn có thể cho vay thêm của ngân hàng

- Trước khi cho vay

VTC

$$H_3 = \frac{\text{VTC}}{\Sigma \text{TS có RR quy đổi}} \times 100\% = 8,6\%$$

$$H_3 = \frac{2.800}{\Sigma \text{ TS có RR quy đổi}} \times 100\% = 8,6\%$$

$$\Rightarrow \Sigma \text{ TS có RR quy đổi} = 32.558,14$$

Gọi X là số tiền NH có thể cho bà C vay, khi đó :

$$\Sigma \text{ TS có RR quy đổi} = 32.558,14 + 100\% \times X$$

Để đảm bảo an toàn VTC của NH thì

$$H_3 = \frac{2.800}{32.558,14 + 100\% \times X} \geq 8\%$$

$$\Rightarrow X \leq 2.141,86$$

Vậy sau khi xét 4 yếu tố trên, ngân hàng cho bà C vay 280trđ.

- So sánh cung cầu TK.

\* Cung TK gồm:

+ Nhân TG trong ngày: 700

+ Thu nợ: 300

+ Thu lãi cho vay: 150

+ Bán cổ phiếu công ty A: 150

+ Dự trữ sơ cấp:  $900 + 2.100 + 100 = 3.100$

+ Bán dự trữ thứ cấp:

$$\begin{aligned} \text{- Dự trữ thứ cấp} &= \text{Tỷ lệ TK} \times \Sigma \text{ NV huy động đầu ngày} \\ &= 8\% \times (6.000 + 12.500 + 11.500) = 2.400 \end{aligned}$$

$$\text{- Bán dự trữ thứ cấp: } 85\% \times 2.400 = 2.040$$

$$\Rightarrow \Sigma \text{ cung TK: } 6.440$$

\* Cầu TK gồm:

+ Cho vay: 280

+ KH rút tiền trong ngày: 3.400

+ Trả lãi TG: 100

+ Duy trì DTBB cho ngày hôm sau:

$$\begin{aligned} \text{DTBB} &= \text{tỷ lệ DTBB} \times \Sigma \text{ NV huy động cuối ngày} \\ &= 3\% \times (30.000 + 700 - 3.400) = 819 \end{aligned}$$

+ Dự trữ vượt mức tính cho ngày hôm sau 1.900

+ Mua cổ phiếu công ty B : 330

$$\Rightarrow \Sigma \text{ cầu TK: } 6.829$$

\* Vì  $\Sigma \text{ cung TK} < \Sigma \text{ cầu TK}$ , thiếu tính thanh khoản là:  $6.829 - 6.440 = 389$

Vì ngày hôm sau, ngân hàng có khoản thu nợ 800trđ ngân hàng có thể giải quyết tình trạng thiếu TK bằng cách vay qua đêm 389trđ.



**\*Lập bảng TKTS cuối ngày 02/05/2000**

**Bảng TKTS cuối ngày 02/05/2000**

<b>TS có</b>	<b>Số tiền</b>	<b>TS nợ</b>	<b>Số tiền</b>
Tiền mặt	900	TG của khách hàng	6.100
Tiền gửi tại NHNN	1.819	Tiết kiệm	9.700
Tiền gửi NHTM khác	300	Chứng chỉ TG	11.500
Tín dụng	21.520	Tiền vay	689
Đầu tư	7.140	Vốn tự có	2.800
TS có khác	420	TS nợ khác	1.310
<b>Σ TS có</b>	<b>32.099</b>	<b>Σ TS nợ</b>	<b>32.099</b>

Tiền mặt: 900

Tiền gửi tại NHNN:  $1.000 + 819 = 1.819$

Tín dụng:  $21.540 + 280 - 300 = 21.520$

Đầu tư:  $9000 + 330 - 150 - 2.040 = 7.140$

TS có khác:  $320 + 100 = 420$

TG của khách hàng:  $6.000 + 500 - 400 = 6.100$

Tiết kiệm:  $12.500 + 200 - 3.000 = 9.700$

Tiền vay:  $389 + 300 = 689$

TS nợ khác:  $1.160 + 150 = 1.310$

**\* Ghi chú:**

- DTTC = Tỷ lệ TK x Σ NV huy động đầu ngày

- DTBB = Tỷ lệ DTBB x Σ NV huy động cuối ngày

- Xét cho vay gồm 4 điều kiện ( chú ý tổng dư nợ cho vay 1 khách hàng 15%

VTC – dư nợ vay)

- TS có khác: Cộng trả lãi tiền gửi

- TS nợ khác: Cộng thu lãi cho vay

- Tiền gửi ở ngân hàng TM khác: có vượt mức -> tính vào trừ trừ sơ cấp.

Nếu cung TK thiếu -> số dư vượt mức này. Cuối ngày phải trừ đi ở TG tại NHTM khác.

**Bài 7: (ĐVT: Triệu đồng)**

- Xét cho ông X vay 360

+ Khả năng trả nợ của ông X là: 420

+ TS thế chấp;  $70\% \times (800 - 60) = 518$

+ Tổng dư nợ cho vay 1 khách hàng:  $15\% \times 2.234 = 335,1$

+ Khả năng còn có thể cho vay thêm của NH

VTC

$$H_3 = \frac{\Sigma \text{TS có rủi ro quy đổi}}{\Sigma \text{TS có RR qui đổi trước khi cho ông X vay}}$$

Khỏan mục	Giá trị	Hệ số RR	Giá trị TSC rủi ro
1. Tiền mặt			
2. Tiền gửi NHNN			
3. Tiền gửi NHTM khác	200	20%	40
4. Tín dụng			
+ Tín dụng cấp cho NH khác	3.394,5	20%	678,9
+ TD đảm bảo bằng BĐS	4.241	50%	2.120,5
+ TD được NH khác bảo lãnh	2.263	20%	452,6
+ TD không đảm bảo	12.446,5	100%	12.446,5
5. Đầu tư			
+ Trái phiếu công ty	4.760	100%	4.760
6. Tài sản có khác	340	100%	340
<b><math>\Sigma</math> tài sản có RR quy đổi nội bảng</b>			<b>20.838,5</b>

Khỏan mục	Giá trị	Hệ số chuyển đổi	Hệ số RR	Giá trị TSC RR nội bảng t.ứng
1. Bảo lãnh cho NH vay	100	100%	100%	100
2. Bảo lãnh thanh toán	800	100%	100%	800
<b><math>\Sigma</math> TS có RR của CK ngoại bảng</b>				<b>900</b>

=>  $\Sigma$  TS có RR quy đổi 21.738,5

Gọi X là số tiền cho ông X vay vì có TS thế chấp là nhà (RR 100%).

$$H_3 = \frac{2.234}{21.738,5 + 100\% \times X} \geq 8\%$$

$$\Rightarrow X \leq 6.168,5$$

Xét 4 điều kiện trên -> NH quyết định cho ông X vay 335,1

- So sánh cung cầu TK.

\* **Cung TK gồm:**

+ Dự trữ sơ cấp: 1.000 + 2.300 + 100 = 3.400

+ Bán dự trữ thứ cấp:

- Dự trữ thứ cấp = 7% x ( 12.000 + 9.000 + 8.000) = 2.030

- Bán dự trữ thứ cấp: 100% x 2.030 = 2.030

+ Bán cổ phiếu công ty B: 210

=>  $\Sigma$  cung TK: 5.925

\* **Cầu TK gồm:**

- + Cho vay: 335,1
- + KH rút tiền trong ngày: 2.980
- + Trả lãi tiền vay: 100
- + Duy trì DTBB cho ngày hôm sau:  
=  $6\% \times (12.000 + 9.000 + 8.000 - 2.980) = 1.561,2$
- + Dự trữ vượt mức tính cho ngày hôm sau 1.400  
=>  $\Sigma$  cầu TK: 6.376,3

\* Vì  $\Sigma$  cung TK <  $\Sigma$  cầu TK, thiếu tính thanh khoản là: 451,3

Vì ngân hàng có khoản thu nợ 451,3 vào ngày hôm sau => ngân hàng có thể vay 451,3 qua đêm để bù đắp việc thiếu thanh khoản.

**\*Lập bảng TKTS cuối ngày 02/05/99**

**Bảng TKTS cuối ngày 02/05/99**

TS có	Số tiền	TS nợ	Số tiền
Tiền mặt	600	TG của khách hàng	10.000
Tiền gửi tại NHNN	2.361,2	Tiết kiệm	8.500
Tiền gửi NHTM khác	200	Chứng chỉ TG	7.520
Tín dụng	22.680,1	Tiền vay	851,3
Đầu tư	4.760	Vốn tự có	2.234
TS có khác	340	TS nợ khác	1.836
<b><math>\Sigma</math> TS có</b>	<b>30.941,3</b>	<b><math>\Sigma</math> TS nợ</b>	<b>30.941,3</b>

**Bài 8: (ĐVT: Triệu đồng)**

Ước lượng thanh khoản hàng quý 1997

Tổng CVĐK = 20.000 + 18.000 = 200.000

Tổng TGĐK: 100.000 + 20.000 + 150.000 = 270.000

+ Thanh khoản dự kiến quý 1:

Tổng CV quý 1: 10.000 + (180.000 x 110%) = 208.000

Tổng TG quý 1: 100.000 x 100% + 15.000 + 153.000 = 268.000

TK dự kiến quý 1: (200.000 - 208.000) - (270.000 - 268.000) = -10.000

+ Quý 2:

Tổng CV quý 2: 17.000 + (180.000 x 101%) = 198.800

Tổng TG quý 2: 100.000 x 98% + 18.000 + 156.000 = 272.000

TK dự kiến quý 2: (200.000 - 198.800) - (270.000 - 272.000) = 3.200

+ Quý 3:

Tổng CV quý 3: 15.000 + (180.000 x 105%) = 204.000

Tổng TG quý 3: 100.000 x 101% + 10.000 + 159.000 = 270.000

TK dự kiến quý 3: (200.000 - 204.000) - (270.000 - 270.000) = -4.000

+ Quý 4:

Tổng CV quý 4:  $17.000 + 180.000 \times 115\% = 224.000$

Tổng TG quý 4:  $100.000 \times 93\% + 9.000 + 162.000 = 264.000$

TK dự kiến quý 4:  $(200.000 - 224.000) - (270.000 - 264.000) = -30.000$

Quý 4 có nhu cầu TK nhiều nhất

**Cách đáp ứng:**

- Số dư DTBB

DTBB quý 4 =  $10\% \times 264.000 = 26.400$

Số dư DTBB:  $27.000 - 26.400 = 600$

- Bán DTTC:  $23\% \times 65.000 = 14.950$

-> thiếu TK:  $30.000 - (600 + 14.950) = 14.150$

Vay tái CK

TS có	Số tiền	TS nợ	Số tiền
Dự trữ bất buộc	26.400	Tiền gửi giao dịch	93.000
Chứng khoán	50.050	Tiền gửi định kỳ biến động	9.000
Cho vay biến đổi	17.000	Tiền gửi định kỳ khác	162.000
Cho vay khác	207.000	Vay ngân hàng khác	24.450
TS có khác	8.000	Vốn tự có	20.000
<b>Σ TS có</b>	<b>308.450</b>	<b>Σ TS nợ</b>	<b>308.450</b>

**Bài 9: (ĐVT: Triệu đồng)**

- TS có nhạy cảm với lãi suất

+ Cho vay theo lãi suất biến đổi

$$50\% \times 21.167 = 10.583,5$$

+ Tiền gửi NHNN: 2.050

+ Tiền gửi tại NHTM khác: 18

+ Các CK có thời hạn còn lại dưới 3 tháng: 1.384

=> Σ TS có nhạy cảm với lãi suất: 14.035,5

- TS nợ nhạy cảm với lãi suất

+ Tiền gửi thanh toán, tiết kiệm không kỳ hạn

$$5.898 \times 35\% + 12.586 \times 20\% = 4.581,5$$

+ Chứng chỉ tiền gửi có thời hạn còn lại dưới 3 tháng: 10.655

+ Tiền vay của NHTM khác dưới 3 tháng : 121

=> Σ TS nợ nhạy cảm với lãi suất 15.357,5

$$\text{TSC nhạy lãi} \quad 14.035,5$$

$$\text{Hệ số RR lãi suất:} = \frac{\text{TSC nhạy lãi}}{\text{TSC nhạy lãi}} = \frac{14.035,5}{15.357,5}$$

$$\text{TSC nhạy lãi} \quad 15.357,5$$

$R < 1$  khi lãi suất tăng 0,5% -> lợi nhuận NH giảm :

$$(14.035,5 - 15.357,5) \times 0,5\% = 6,61$$

**Bài 10 : (Đơn vị tính : triệu đồng)**

1) Xử lý các tình huống trên :

- Nhu cầu thanh khoản:

+ Trả tiền mặt cho khách hàng: 4.153

+ Chi trả lãi: 112

Cho vay: Xét hạn mức cho vay

Khả năng trả nợ của ông X là đầy đủ

Tài sản đảm bảo: 70% (2500 – 100) = 1.680 > 1.400

Xét 15% VTC : 15% x 66.200 = 9.930 > 1.400

Vốn tự có

Xét hệ số  $H_3 = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tổng tài sản có rủi ro qui đổi}} \times 100\%$

Tổng tài sản có rủi ro qui đổi :

▪ Tiền gửi ngân hàng khác:	538 x 20%	=	107,6
▪ Tín dụng: Chiết khấu thương phiếu:	180.066 x 10% x 100%	=	18.006,6
Cấp cho ngân hàng khác:	180.066 x 10% x 20%	=	3.601,32
Thế chấp bất động sản:	180.066 x 10% x 50%	=	9.003,3
Không đảm bảo: (180.066 x 70% - 6.500)	x 100%	=	119.546,2
▪ Đầu tư:	82.187 x 90% x 100%	=	73.968,3
▪ Tài sản khác:	23.622 x 100%	=	23.622
	<b>Cộng :</b>		<b><u>247.855,32</u></b>

Tài sản có rủi ro ngoài bảng

- NH bảo lãnh DN vay: 25.340 x 100% x 100% = 25.340
- NH bảo lãnh dự thầu: 80.580 x 50% x 100% = 40.290

**Cộng:** **65.630**

66.200

$H_3 = \frac{66.200}{247.855,32 + 65.630} \times 100\% = 21,12\% > 8\%$

+ Vay cho ông X vay : 1.400

+ Dự trữ vượt mức: 600

+ Dự trữ bắt buộc: 6%(93.101 + 98.114 – 1.456 – 678 – 1045 – 974) + 500 = 11.253,72

=> **Tổng nhu cầu thanh khoản: 17.518,72**

- **Cung thanh khoản:**

+ Thu nợ gốc: 6.500

+ Thu lãi : 620

+ Bán chứng chỉ tiền gửi (< 3tháng) : 500

+ Dự trữ sơ cấp: 5.734 + 13.378 = 19.112

+ Dự trữ thứ cấp = 82.187 x 10% x 90% = 7.396,83

=> **Tổng cung thanh khoản : 34.128,83**

- **Kết luận:** Ngân hàng thừa thanh khoản

34.128,83 – 17.518,72 = 16.610,11

Xử lý: NH mua lại DTTC 16.610,11=(7.396,83+9.213,28)

**2) Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày 23/6**

**BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN**

*DVT: Triệu đồng*

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
1. Tiền mặt	200,00	7. Tiền gửi	90.967
2. Tiền gửi NH khác	538,00	8. Tiết kiệm	96.095
3. Tiền gửi NHNN	11.653,72	9. Chứng chỉ tiền gửi	500
4. Tín dụng	174.966,00	10. Vay NH khác	17.200
5. Đầu tư	91.400,28	11. Vốn tự có	66.200
6. Tài sản khác	23.734,00	12. Nguồn vốn khác	31.530
<b>Cộng</b>	<b>302.492,00</b>	<b>Cộng</b>	<b>302.492</b>

**3) Phân tích rủi ro mà ngân hàng sẽ phải chịu khi lãi suất biến động 0,25%**

+ Tổng tài sản có nhạy lãi:

- Tiền gửi NHNN: 11.653,72
- Tiền gửi NH khác: 538
- Tín dụng:  $30\%(180.066)+1.400=54.419,8$
- Dự trữ thứ cấp:  $73.968,3 \times 10\% = 7.396,83+9.213,28$

**Tổng cộng: 83.221,63**

+ Tổng tài sản nợ nhạy lãi:

- Tiền gửi không kỳ hạn:  $(93.101 \times 60\%) - 1.456 = 54.404,6$
- Tiết kiệm không kỳ hạn:  $(98.114 \times 45\%) - 1.045 = 43.106,3$
- Chứng chỉ tiền gửi: 500
- Vay ngân hàng khác: 17.200

**Tổng cộng: 115.210,9**

**R = Tổng TS có nhạy lãi - Tổng TS nợ nhạy lãi**

$$83.221,63 - 115.210,9 = - 31.989,27 < 0$$

Rủi ro xuất hiện khi lãi suất thị trường tăng.

- Khi lãi suất thị trường tăng 0,25%

$$\Rightarrow \text{Mức giảm lợi nhuận : } 0,25\% (- 31.989,27) = - 79,97$$

**Bài 11 :** (Đơn vị tính : triệu đồng)

**1) Xử lý các tình huống trên**

- Khả năng trả nợ là 230
- TSĐB =  $70\% \times (500 - 100) = 280 > 220$
- Xét 15% VTC =  $15\% \times 2.700 = 405 > 220$

Vốn tự có

$$\text{Xét hệ số } H_3 = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tổng tài sản có rủi ro qui đổi}} \times 100\%$$

+ Tổng tài sản có rủi ro qui đổi :

- Tiền gửi ngân hàng khác:  $250 \times 20\% = 50$
- Tín dụng:  $(20.540 \times 2\% - 200) \times 100\% = 210,8$   
 $(20.540 \times 25\% - 100) \times 20\% = 1.007$   
 $20.540 \times 8\% \times 50\% = 821,6$

	$20.540 \times 65\% \times 100\%$	$= 13.351$
▪ Đầu tư:	$8.560 \times 83\% \times 100\%$	$= 7.104,8$
▪ Tài sản khác:	$300 \times 100\%$	$= 300$
	<b>Cộng :</b>	<b><u>22.845,2</u></b>

#### Tài sản có rủi ro ngoài bảng

Bảo lãnh cho khách hàng :	$6.200 \times 100\% \times 100\% = 6.200$
Bảo lãnh thanh toán :	$11.500 \times 100\% \times 100\% = 11.500$
	<b>Cộng:</b> <b><u>17.700</u></b>

$$H_3 = \frac{2.700}{22.845,2 + 17.700} \times 100\% = 6,66\% < 8\%$$

#### Vậy không cho ông X vay

#### + Cung thanh khoản:

- Thu nợ: 300
- Dự trữ sơ cấp:  $900 + 2.100 = 3.000$
- Dự trữ thứ cấp:  $= 17\% \times 8.560 = 1.455,2$

#### Cộng cung thanh khoản : 4.755,2

#### + Cầu thanh khoản:

- Trả tiền mặt =  $800 + 300 + 300 + 500 + 200 = 2.100$
- Trả lãi tiền gửi: 125
- Dự trữ vượt mức: Tiền mặt : 400  
Tiền gửi NHNN: 800
- Dự trữ bắt buộc:  $6\% [(6.000 - 800 - 300) + (12.500 - 300 - 500) + (10.850 - 200)] = 1.635$

#### Cộng cầu thanh khoản: 5.060

**Kết luận:** Ngân hàng thiếu khả năng thanh khoản

$$5.060 - 4.755,2 = 304,8$$

**Xử lý:** - Vay qua đêm: 200

- Tái chiết khấu : 104,8

## 2) Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày 16/04/1999

### BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN

ĐVT: (Triệu đồng)

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
1. Tiền mặt	400	7. Tiền gửi	4.900
2. Tiền gửi ngân hàng	2.435	8. Tiết kiệm	11.700
3. Tiền gửi NH khác	250	9. Chứng chỉ tiền gửi	10.650
4. Tín dụng	20.135,2	10. Vay Nh khác	400
5. Đầu tư	7.104,8	11. Vốn tự có	2.700
6. Tài sản khác	425	12. Nguồn vốn khác	400
<b>Cộng</b>	<b>30.750</b>	<b>Cộng</b>	<b>30.750</b>

### 3) Phân tích rủi ro mà ngân hàng sẽ phải chịu khi lãi suất biến động 0,45%

#### + Tổng tài sản có nhạy lãi:

- Tiền gửi NHNN: 2.435
- Tiền gửi NH khác: 250
- Tín dụng:  $20.135,2 \times 50\% = 10.067,6$

**Cộng: 12.752,6**

#### + Tổng tài sản nợ nhạy lãi:

- Tiền gửi:  $4.900 \times 30\% = 1.470$
- Tiết kiệm:  $11.700 \times 50\% = 5.850$
- Vay : 400

**Cộng : 7.720**

$$R = \text{Tổng TSC nhạy lãi} - \text{Tổng TSN nhạy lãi}$$

$$= 12.752,6 - 7.720 = 5.032,6 > 0$$

Rủi ro xuất hiện khi lãi suất thị trường giảm

#### - Khi lãi suất thị trường tăng 0,45%

- + Thu nhập lãi tăng:  $12.752,6 \times 0,45\% = 57,387$
- + Chi phí lãi tăng:  $7.720 \times 0,45\% = 34,74$
- => Mức tăng lợi nhuận:  $57,387 - 34,74 = 22,647$

#### - Khi lãi suất thị trường giảm : 0,45%

- + Thu nhập lãi giảm:  $12.752,6 \times (-0,45\%) = -57,387$
- + Chi phí lãi giảm:  $7.720 \times (-0,45\%) = -34,74$
- => Mức giảm của lợi nhuận:  $-57,387 - (-34,74) = -22,647$

### **Bài 12 : (Đơn vị tính : triệu đồng)**

#### 1) **Xử lý các tình huống trên**

Xét cho khách hàng Z vay

- Khả năng trả nợ là  $100 < 200$
- Xét tài sản đảm bảo:  $70\% \times 400 = 280 > 200$
- Xét 15% VTC =  $15\% \times 2.000 = 300 > 200$

$$\text{- Xét hệ số H3} = \frac{\text{VTC}}{\text{Tổng tài sản có rủi ro quy đổi}} \times 100\%$$

Tổng tài sản có rủi ro quy đổi:

- Tiền gửi NH khác:  $20 \times 20\% = 4$
- Tín dụng:  $21.167 \times 15\% \times 100\% = 3.175,05$   
 $21.167 \times 35\% \times 50\% = 3.704,225$   
 $21.167 \times 50\% \times 100\% = 10.583,5$
- Đầu tư:  $6.920 \times 80\% \times 100\% = 5.536$
- Tài sản khác:  $81 \times 100\% = 81$

**Cộng: 23.083,775**

$$H3 = \frac{2.000}{23.083,775} \times 100\% = 8,66\% > 8\%$$



## Vay cho ông Z vay 100 triệu

### + Cung thanh khoản:

- Dự trữ sơ cấp: Tiền mặt: 962  
Tiền gửi NHNN: 2.050
- Dự trữ thứ cấp:  $20\% \times 6.920 = 1.384$   
**Cộng: 4.396**

### + Cầu thanh khoản

- Chi tiền mặt: + Tiền gửi có kỳ hạn: 754  
+ Chứng chỉ tiền gửi: 489  
+ Tiền gửi hoạt kỳ: 257
- Dự trữ bắt buộc =  $5\% [(5.898 - 257) + (12.586 - 754) + (10.655 - 489)] = 1.381,95$
- Dự trữ vượt mức: Tiền mặt: 50
- Tiền gửi: 700
- Cho vay: 100
- Cộng cầu thanh khoản: 3.731,95**

Nhận xét: Ngân hàng thừa thanh khoản

$$4.396 - 3.731,95 = 664,05$$

## 2) Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày

### BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN

*DVT: Triệu đồng*

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
1. Tiền mặt	50	7. Tiền gửi	5.641
2. Tiền gửi NH khác	2.081,95	8. Tiết kiệm	11.832
3. Tiền gửi NHNN	20	9. Chứng chỉ tiền gửi	10.166
4. Tín dụng	21.267	10. Vốn tự có	2.000
5. Đầu tư	6.200,05	11. Nguồn vốn khác	61
6. Tài sản khác	81		
<b>Cộng</b>	<b>29.700</b>	<b>Cộng</b>	<b>29.700</b>

## 3) Phân tích rủi ro mà ngân hàng sẽ chịu khi lãi suất biến động 0,5%

### + Tổng tài sản có nhạy lãi:

- Tiền gửi NHNN: 2.081,95
- Tiền gửi NH khác: 20
- Tín dụng:  $21.167 \times 40\% = 8.466,8$
- Tổng cộng: 10.568,75**

### + Tổng tài sản nợ nhạy lãi:

- Tiền gửi:  $35\% \times 5.641 = 1.974,35$
- Tiết kiệm:  $20\% \times 11.832 = 2.366,4$
- Chứng chỉ tiền gửi: 10.166
- Tổng cộng: 14.506,75**

$$R = \text{Tổng TS có nhạy lãi} - \text{Tổng TS nợ nhạy lãi}$$

$$= 10.568,75 - 14.506,75 = - 3.998 < 0$$

Rủi ro xuất hiện khi lãi suất thị trường tăng.

**- Khi lãi suất thị trường tăng 0,5%**

+ Thu nhập lãi tăng:  $10.568,75 \times 0,5\% = 52,844$

+ Chi phí lãi tăng:  $14.506,75 \times 0,5\% = 72,533$

=> Mức lợi nhuận giảm:  $52,844 - 72,533 = -19,689$

**- Khi lãi suất thị trường giảm 0,5%**

+ Thu nhập lãi giảm :  $10.568,75 \times (-0,5\%) = -52,844$

+ Chi phí lãi giảm:  $14.506,75 \times (-0,5\%) = -72,533$

=> Mức tăng lợi nhuận:  $-52,844 - (-72,533) = 19,689$

**Bài 13 : (Đơn vị tính : triệu đồng)**

**1) Xử lý các tình huống trên.**

Xét cho bà Lan và bà Nhật Minh vay

- Khả năng trả nợ của khách hàng là đầy đủ

- Xét TSĐB =  $70\% \times 2.000 = 1.400 < 1.800$

$70\% \times 2.500 = 1.750 > 1.200$

- Xét 15% VTC =  $15\% \times 70.354 = 10.553 > 3.000$

Vốn tự có

Xét hệ số  $H_3 = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tổng tài sản có rủi ro qui đổi}} \times 100\%$

Tổng tài sản có rủi ro qui đổi

**+ Tổng tài sản có rủi ro qui đổi :**

▪ Tiền gửi ngân hàng khác:  $1.449 \times 20\% = 289,8$

▪ Tín dụng:  $132.789 \times 60\% \times 50\% = 39.836,7$

$132.789 \times 40\% \times 100\% = 53.115,6$

▪ Đầu tư:  $(68.465 + 22.011) \times 150\% = 135.714$

▪ Tài sản cố định:  $94 \times 100\% = 94$

**Cộng : 229.050,1**

**+Ngoại bảng:**

Bảo lãnh vay:  $520.240 \times 100\% \times 100\% = 520.240$

Bảo lãnh thanh toán :  $248.215 \times 100\% \times 100\% = 248.215$

**Cộng: 768.455**

$70.354$

$H_3 = \frac{70.354}{229.050,1 + 768.455} \times 100\% = 7,05\% < 8\%$

$229.050,1 + 768.455$

**Vậy không cho bà Lan và bà Nhật Minh vay**

**+ Cung thanh khoản:**

+ Nhận tiền gửi: 250

+ Tiền mặt : 5.190

+ Tiền gửi NHNN: 10.478

+ Dự trữ thứ cấp:  $2\% \times 91.000 = 1.820$

+ Bán trái phiếu :  $50\% \times 524 = 262$

=> **Tổng cung thanh khoản : 18.000**

**+ Cầu thanh khoản:**

- + Chi tiền mặt : 1.150
- + Dự trữ vượt mức: 8.000
- + DTBB :  $5\%[(57.397 - 879,5 + 230) + (112.284 - 270,5 + 20)] = 8.439,05$
- => **Tổng cầu thanh khoản : 17.589,05**
- Kết luận:** Ngân hàng thừa thanh khoản: 410,95

**2) Lập bảng tổng kết tài sản cuối ngày 21/12/96**

**BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN**

*DVT: Triệu đồng*

<b>Tài sản</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>Số tiền</b>
1. Tiền mặt	1.000	7. Tiền gửi	56.747,5
2. Tiền gửi NH khác	15.439,05	8. Tiết kiệm	112.033,5
3. Tiền gửi NHNN	1.859,95	9. Vay	358
4. Tín dụng	132.789	10. Vốn tự có	70.354
5. Đầu tư	88.918	11. Nguồn vốn khác	607
6. Tài sản khác	94		
<b>Cộng</b>	<b>240.100</b>	<b>Cộng</b>	<b>240.100</b>